TKB - MÔN CHUNG CHO K67 KỲ I (2017 - 2018)

28/08/2017

1. Môn Tâm lý

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa	Buổi học	K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bảy	
				SV	TĐ		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
PSYC 101-K67	109C	SP Toán (A,B)	Thứ 2(T2-5)		80	Tâm lý học	2,3,4,5											
PSYC 101-K67	111C	SP Toán (C,D,CLC)	Thứ 2(T2-5)		80	Tâm lý học	2,3,4,5											
PSYC 101-K67	109C	SPToán(K)+SPTin(K)	Thứ 5(T2-5)		80	Tâm lý học							2,3,4,5					
PSYC 101-K67	109C	Vật lý (A,CLC) + SP Sử(CLC)	Thứ 3(T2-5)		80	Tâm lý học			2,3,4,5									
PSYC 101-K67	111C	Vật lý (B+CLC)+ SPTin (A)	Thứ 3(T2-5)		80	Tâm lý học			2,3,4,5									
PSYC 101-K67	109C	SP Hóa học(A,B,CLC)	Thứ 4(T2-5)		80	Tâm lý học					2,3,4,5							
PSYC 101-K67	109C	Hóa học(K)+Lý(K)+Sinh(K)	Thứ 6(T2-5)		80	Tâm lý học									2,3,4,5			
PSYC 101-K67	111C	Sinh (A,B,CLC)	Thứ 6(T2-5)		80	Tâm lý học									2,3,4,5			
PSYC 101-K67	111C	Tiếng anh(A,B)+Nghệ thuật(A,B)	Thứ 5(T2-5)		80	Tâm lý học							2,3,4,5					
PSYC 101-K67	109C	Ngữ Văn (A,B,CLC)	Thứ 2(T6-9)		80	Tâm lý học		6,7,8,9										
PSYC 101-K67	111C	Ngữ Văn (C,D)	Thứ 2(T6-9)		80	Tâm lý học		6,7,8,9										
PSYC 101-K67	109C	Lịch sử (A,B)	Thứ 3(T6-9)		80	Tâm lý học				6,7,8,9								
PSYC 101-K67	111C	SP Triết(A) + SP KTCT(A)	Thứ 3(T6-9)		80	Tâm lý học				6,7,8,9								
PSYC 101-K67	109C	LL-GDCT (A,B,C)	Thứ 4(T6-9)		80	Tâm lý học						6,7,8,9						
PSYC 101-K67	111C	Địa lý (A,B,C)	Thứ 4(T6-9)		80	Tâm lý học						6,7,8,9						
PSYC 101-K67	109C	GD Thể chất (A,B)+ GDQP(A,B)	Thứ 6(T6-9)		80	Tâm lý học										6,7,8,9		
PSYC 101-K67	109C	Văn học (E,G)	Thứ 5(T6-9)		80	Tam ly hoc								6,7,8,9				
PSYC 101-K67	111C	GDĐB(A)+QLGD(A)+T.Pháp (A)	Thứ 4(T2-5)		80	Tâm lý học					2,3,4,5							

2. Môn Tiếng Anh 1

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa		K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bảy	
				SV	TĐ		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
ENGL 101A0-K67.1_LT	303K1	SP Toán + Toán học	Thứ 2(T6-9)		50	Tiếng Anh 1		6,7,8,9										
ENGL 101A0-K67.2_LT	305K1	CNTT + GDĐB	Thứ 2(T6-9)		50	Tiếng Anh 1		6,7,8,9										
ENGL 101A0-K67.3_LT	303K1	SP Tin + SP Hóa+Sinh học+QLGD	Thứ 4(T6-9)		50	Tiếng Anh 1						6,7,8,9						
ENGL 101A0-K67.4_LT	403K1	SP Sinh+VNH+TLTH+TLGD+Văn học	Thứ 6(T6-9)		50	Tiếng Anh 1										6,7,8,9		
ENGL 101A0-K67.5_LT	206K1	SP Văn+CTXH+Nghệ thuật	Thứ 2(T6-9)		50	Tiếng Anh 1	2,3,4,5											
ENGL 101A0-K67.6_LT	305K1	SP Sử+ LLCT(A,B,C)+GDQP	Thứ 6(T6-9)		50	Tiếng Anh 1									2,3,4,5			
ENGL 101A0-K67.7_LT	303K1	SP Địa+GDTH+GDMN+Triết+SP Vật lý	Thứ 5(T6-9)		50	Tiếng Anh 1								6,7,8,9				
ENGL 101A1-K67.1_LT	204K1	SP Toán (A)	Thứ 2(T6-9)		50	Tiếng Anh 1		6,7,8,9										
ENGL 101A1-K67.2_LT	205K1	SP Toán(B)+Toán học	Thứ 2(T6-9)		50	Tiếng Anh 1		6,7,8,9										

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa	Buổi học	K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bảy	
				SV	TĐ		*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
ENGL 101A1-K67.3_LT	204K1	SP Tin + CNTT+QLGD	Thứ 4(T6-9)		50	Tiếng Anh 1						6,7,8,9						
ENGL 101A1-K67.4_LT	205K1	Hóa học +Sinh học	Thứ 4(T6-9)		50	Tiếng Anh 1						6,7,8,9						
ENGL 101A1-K67.5_LT	205K1	SP Sinh +TLGD +GDĐB	Thứ 6(T6-9)		50	Tiếng Anh 1										6,7,8,9		
ENGL 101A1-K67.6_LT	206K1	TLTH +Văn học +Việt nam học	Thứ 6(T6-9)		50	Tiếng Anh 1										6,7,8,9		
ENGL 101A1-K67.7_LT	204K1	SP Văn	Thứ 2(T2-5)		50	Tiếng Anh 1	2,3,4,5											
ENGL 101A1-K67.8_LT	205K1	CTXH + Nghệ thuật	Thứ 2(T2-5)		50	Tiếng Anh 1	2,3,4,5											
ENGL 101A1-K67.9_LT	204K1	SP Lịch sử+GDTC+SP Triết+LLCT(A,B,	Thứ 6(T2-5)		50	Tiếng Anh 1									2,3,4,5			
ENGL 101A1-K67.10_LT	204K1	GDTH + GDMN	Thứ 5(T6-9)		50	Tiếng Anh 1								6,7,8,9				
ENGL 101A1-K67.11_LT	205K1	SP Vật lý +SP Địa	Thứ 5(T6-9)		50	Tiếng Anh 1								6,7,8,9				
ENGL 101A2-K67.1_LT	206K1	SP Toán (A)	Thứ 2(T6-9)		50	Tiếng Anh 1		6,7,8,9										
ENGL 101A2-K67.2_LT	301K1	SP Toán (B)	Thứ 2(T6-9)		50	Tiếng Anh 1		6,7,8,9										
ENGL 101A2-K67.3_LT	304K1	SP vật lý+ Toán học	Thứ 2(T6-9)		50	Tiếng Anh 1		6,7,8,9										
ENGL 101A2-K67.4_LT	206K1	SP Tin+SP Hóa+CNTT	Thứ 4(T6-9)		50	Tiếng Anh 1						6,7,8,9						
ENGL 101A2-K67.5_LT	305K1	SP Sinh+ GDĐB +Tâm lý TH	Thứ 6(T6-9)		50	Tiếng Anh 1										6,7,8,9		
ENGL 101A2-K67.6_LT	304K1	Tâm lý GD+Văn học+VNH	Thứ 6(T6-9)		50	Tiếng Anh 1										6,7,8,9		
ENGL 101A2-K67.7_LT	301K1	SP Văn (A)	Thứ 2(T2-5)		50	Tiếng Anh 1	2,3,4,5											
ENGL 101A2-K67.8_LT	303K1	SP Văn(B)+Nghệ thuật +CTXH+GDMN+SP Địa	Thứ 2(T2-5)		50	Tiếng Anh 1	2,3,4,5											
ENGL 101A2-K67.9_LT	205K1	SP Sử+ SP Triết+GDTC+LLCT+T Pháp+GDQP	Thứ 6(T2-5)		50	Tiếng Anh 1									2,3,4,5			
ENGL 101A2-K67.10_LT	206K1	GDTH	Thứ 5(T6-9)		50	Tiếng Anh 1								6,7,8,9				

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa	Buổi học	K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bảy	
				SV	TĐ		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều

3. Môn Tiếng Trung Quốc 1

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa		K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ bảy	
				SV	TĐ		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
CHIN 101-K67.1_LT	406D3	SP Văn(A-40)	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Trung 1											2,3,4,5	
CHIN 101-K67.2_LT	202D3	SP Tiếng anh (A-40)	Thứ 6(T2-5)			Tiếng Trung 1									2,3,4,5			
CHIN 101-K67.3_LT	306D3	SP Tiếng anh (B-40)	Thứ 6(T2-2)			Tiếng Trung 1									2,3,4,5			
CHIN 101-K67.4_LT	206K1	SP Tiếng anh (C-19)+CTXH(21)	Thứ 6(T2-5)			Tiếng Trung 1									2,3,4,5			
CHIN 101-K67.5_LT	305D3	SP Văn(B)+SP Lịch sử(16)+SP Triết(12)	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Trung 1											2,3,4,5	
CHIN 101-K67.6_LT	305D3	Nghệ thuật +VNH+TLGD+Văn học+SP Sinh	Thứ 7(T6-9)			Tiếng Trung 1												6,7,8,9
CHIN 101-K67.7_LT	306D3	SP Địa+LLCT(A,B,C)+SP Toán+Toán học	Thứ 7(T6-9)			Tiếng Trung 1												6,7,8,9
CHIN 101-K67.8_LT	106D3	GDQP+SP Hóa+SP Lý+Tâm lý TH	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Trung 1											2,3,4,5	

4. Môn Tiếng Pháp 1

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa		K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bảy	
				SV	TĐ		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
FREN 101-K67.1_LT	202D3	Tiếng Anh(24)+SP Triết(10)	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Pháp 1											2,3,4,5	
FREN 101-K67.2_LT	403D3	Công tác xã hội (39)	Thứ 7(T6-9)			Tiếng Pháp 1												6,7,8,9
FREN 101-K67.3_LT	403K1	SP Sử(26)+Giáo dục ĐB(8)	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Pháp 1											2,3,4,5	
FREN 101-K67.4_LT	406D3	Giáo dục QP(12)+Toán học(16)+Sinh học	Thứ 7(T6-9)			Tiếng Pháp 1												6,7,8,9
FREN 101-K67.5_LT	204D3	Giáo dục TH(3)+SP Toán(15)+Văn học(1	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Pháp 1											2,3,4,5	
FREN 101-K67.6_LT	204D3	SP Văn(19)+Tâm lysTH(18)	Thứ 7(T6-9)			Tiếng Pháp 1												6,7,8,9
FREN 101-K67.7_LT	306D3	SP Tin(6)+QLGD(6)+SP Vật lý(21)	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Pháp 1											2,3,4,5	

5. Môn Tiếng Nga 1

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa		K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bảy	
				SV	TĐ		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
RUSS 101-K67.1_LT	507D3	Kinh tế CT(10)+GDMN(21)+Văn học(1)+SP Văn	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Nga 1											2,3,4,5	
RUSS 101-K67.2_LT	503D3	Công nghệ thông tin(38)	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Nga 1											2,3,4,5	
RUSS 101-K67.3_LT	405D3	GDCT(18) +GDCD(17)	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Nga 1											2,3,4,5	
RUSS 101-K67.4_LT	507D3	GD Thể chất(15)+SP Âm nhạc(19)	Thứ 7(T6-9)			Tiếng Nga 1												6,7,8,9
RUSS 101-K67.5_LT	503D3	Địa lý(19)+SP Sinh(17)	Thứ 7(T6-9)			Tiếng Nga 1												6,7,8,9
RUSS 101-K67.6_LT	405D3	SP Hóa(22)+TLGD(10)+SP Sử(3)	Thứ 7(T6-9)			Tiếng Nga 1												6,7,8,9
RUSS 101-K67.7_LT	508D3	VNH(27)+Tiếng Pháp(4)+Mỹ thuật(3)	Thứ 7(T2-5)			Tiếng Nga 1											2,3,4,5	

6. Môn GD Thể chất 1

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa		K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bảy	
				SV	TĐ		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
PHYE 101-K67.1_LT	113SVĐ	Toán (A)	Thứ 3(T1-2)		50	GD Thể chất 1			1,2									
PHYE 101-K67.2_LT	114SVĐ	Toán (B)	Thứ 3(T1-2)		50	GD Thể chất 1			1,2									

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa	Buổi học	K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bảy	
				SV	TĐ		*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
PHYE 101-K67.3_LT	115SVĐ	Toán (C)	Thứ 3(11-2)		50	GD Thể chất 1			1,2									
PHYE 101-K67.4_LT	116SVĐ	Toán (D)	Thứ 3(11-2)		50	GD Thể chất 1			1,2									
PHYE 101-K67.5_LT	113SVĐ	Toán (K)	Thứ 6(11-2)		50	GD Thể chất 1									1,2			
PHYE 101-K67.6_LT	117SVĐ	Toán (E)	Thứ 3(11-2)		50	GD Thể chất 1			1,2									
PHYE 101-K67.7_LT	113SVĐ	CNTT (A)	Thứ 5(11-2)		50	GD Thể chất 1							1,2					
PHYE 101-K67.8_LT	114SVĐ	CNTT (B)	Thứ 5(11-2)		50	GD Thể chất 1							1,2					
PHYE 101-K67.9_LT	114SVĐ	**Lý (K) + Tin (K)**	Thứ 6(11-2)		50	GD Thể chất 1									1,2			
PHYE 101-K67.10_LT	113SVĐ	Vật lý (A)	Thứ 4(11-2)		50	GD Thể chất 1					1,2							
PHYE 101-K67.11_LT	114SVĐ	Vật lý (B)	Thứ 4(11-2)		50	GD Thể chất 1					1,2							
PHYE 101-K67.12_LT	115SVĐ	Vật lý (CLC)	Thứ 4(11-2)		50	GD Thể chất 1					1,2							
PHYE 101-K67.13_LT	116SVĐ	Toán (CLC)	Thứ 4(11-2)		50	GD Thể chất 1					1,2							
PHYE 101-K67.14_LT	117SVĐ	SP Lịch sử(CLC)	Thứ 4(11-2)		50	GD Thể chất 1					1,2							
PHYE 101-K67.15_LT	118SVĐ	Hóa học (A)	Thứ 5(11-2)		50	GD Thể chất 1							1,2					
PHYE 101-K67.16_LT	115SVĐ	Hóa học (B)	Thứ 5(11-2)		50	GD Thể chất 1							1,2					
PHYE 101-K67.17_LT	116SVĐ	Hóa (CLC) + Sinh (CLC)	Thứ 5(11-2)		50	GD Thể chất 1							1,2					
PHYE 101-K67.18_LT	113SVĐ	Sinh (A)	Thứ 2(11-2)		50	GD Thể chất 1	1,2											

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa	Buổi học	K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bảy	
				SV	TĐ		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
PHYE 101-K67.19_LT	114SVĐ	Sinh (E)	Thứ 2(T1-2)		50	GD Thể chất 1	1,2											
PHYE 101-K67.20_LT	119SVĐ	Sinh (K) + Hóa (K)	Thứ 5(T1-2)		50	GD Thể chất 1							1, 2					
PHYE 101-K67.21_LT	115SVĐ	Địa (A)	Thứ 6(T1-2)		50	GD Thể chất 1									1,2			
PHYE 101-K67.22_LT	116SVĐ	Địa (B)	Thứ 6(T1-2)		50	GD Thể chất 1									1,2			
PHYE 101-K67.23_LT	117SVĐ	Địa (CLC)	Thứ 6(T1-2)		50	GD Thể chất 1									1,2			
PHYE 101-K67.24_LT	118SVĐ	Ngữ Văn (A)	Thứ 4(T1-2)		50	GD Thể chất 1					1,2							
PHYE 101-K67.25_LT	119SVĐ	Ngữ Văn (B)	Thứ 4(T1-2)		50	GD Thể chất 1					1,2							
PHYE 101-K67.26_LT	118SVĐ	Ngữ Văn (C)	Thứ 3(T1-2)		50	GD Thể chất 1			1,2									
PHYE 101-K67.27_LT	119SVĐ	Ngữ Văn (D)	Thứ 3(T1-2)		50	GD Thể chất 1			1,2									
PHYE 101-K67.28_LT	113SVĐ	Ngữ Văn (E)	Thứ 3(T9-10)		50	GD Thể chất 1				9,10								
PHYE 101-K67.29_LT	113SVĐ	Lịch sử (A)	Thứ 4(T9-10)		50	GD Thể chất 1						9,10						
PHYE 101-K67.30_LT	114SVĐ	Lịch sử (B)	Thứ 4(T9-10)		50	GD Thể chất 1						9,10						
PHYE 101-K67.31_LT	115SVĐ	Văn (CLC)	Thứ 4(T9-10)		50	GD Thể chất 1						9,10						
PHYE 101-K67.32_LT	113SVĐ	Tâm lý GD (A,E)	Thứ 2(T9-10)		50	GD Thể chất 1		9,10										
PHYE 101-K67.33_LT	113SVĐ	GDCT (A)	Thứ 5(T9-10)		50	GD Thể chất 1								9,10				
PHYE 101-K67.34_LT	114SVĐ	GDCT (B)	Thứ 5(T9-10)		50	GD Thể chất 1								9,10				
PHYE 101-K67.35_LT	115SVĐ	GDCT (C)	Thứ 5(T9-10)		50	GD Thể chất 1								9,10				
PHYE 101-K67.36_LT	116SVĐ	GDQP (A)	Thứ 4(T9-10)		50	GD Thể chất 1						9,10						
PHYE 101-K67.37_LT	117SVĐ	CNTT (C)	Thứ 4(T9-10)		50	GD Thể chất 1						9,10						
PHYE 101-K67.38_LT	116SVĐ	GDĐB (A)	Thứ 5(T9-10)		50	GD Thể chất 1								9,10				
PHYE 101-K67.39_LT	113SVĐ	Tiếng Pháp (A)	Thứ 6(T9-10)		50	GD Thể chất 1										9,10		
PHYE 101-K67.40_LT	114SVĐ	Nghệ thuật (AN,MT)	Thứ 6(T9-10)		50	GD Thể chất 1										9,10		
PHYE 101-K67.41_LT	115SVĐ	GD MN (A)	Thứ 6(T9-10)		50	GD Thể chất 1										9,10		
PHYE 101-K67.42_LT	116SVĐ	GD MN (K) + GD TH (K)	Thứ 6(T9-10)		50	GD Thể chất 1										9,10		
PHYE 101-K67.43_LT	117SVĐ	GD TH (A)	Thứ 6(T9-10)		50	GD Thể chất 1										9,10		
PHYE 101-K67.44_LT	115SVĐ	Tiếng Anh (A,B)	Thứ 2(T9-10)		50	GD Thể chất 1		9,10										
PHYE 101-K67.45_LT	116SVĐ	Tiếng Anh (C,D)	Thứ 2(T9-10)		50	GD Thể chất 1		9,10										
PHYE 101-K67.46_LT	117SVĐ	SP Triết (A) +QLGD(A)	Thứ 2(T9-10)		50	GD Thể chất 1		9,10										
PHYE 101-K67.47_LT	118SVĐ	Việt Nam học (A)	Thứ 6(T1-2)		50	GD Thể chất 1									1,2			
PHYE 101-K67.48_LT	119SVĐ	Việt Nam học (B)	Thứ 6(T1-2)		50	GD Thể chất 1									1,2			
PHYE 101-K67.49_LT	118SVĐ	Công tác XH (A)	Thứ 6(T9-10)		50	GD Thể chất 1										9,10		
PHYE 101-K67.50_LT	119SVĐ	Công tác XH (B)	Thứ 6(T9-10)		50	GD Thể chất 1										9,10		
		7. Tin học đại cương				**K67**												
COMP 103-K67.1_LT	502TK1	Toán(E)	Thứ 3(T1-2)		30	Tin học đại cương			1,2									
COMP 103-K67.2_LT	503TK1	CNTT(C)	Thứ 3(T9-10)		30	Tin học đại cương				9,10								

Tên lớp	Phòng học	Tên khoa	Buổi học	K67		Môn học	Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bảy	
				SV	TĐ		*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*	*Sáng*	*Chiều*
COMP 103-K67.3_LT	202 TinC	Sinh(E,G)	Thứ 4(T1-2)		30	Tin học đại cương					**1,2**							
COMP 103-K67.4_LT	202 TinC	Văn (E)	Thứ 4(T9-10)		30	Tin học đại cương						**9,10**						
COMP 103-K67.5_LT	502TK1	CTXH(A,B)	Thứ 5(T1-2)		30	Tin học đại cương							**1,2**					
COMP 103-K67.6_LT	502TK1	CNTT(B)	Thứ 5(T9-10)		30	Tin học đại cương								**9,10**				
COMP 103-K67.7_LT	502TK1	Tâm lý học (B)	Thứ 6(T4-5)		30	Tin học đại cương									**4,5**			
COMP 103-K67.8_LT	506TK1	Việt Nam học (A)	Thứ 6(T9-10)		30	Tin học đại cương					**4,5**							
COMP 103-K67.9_LT	502TK1	Việt Nam học(B)	Thứ 4(T4-5)		30	Tin học đại cương					**4,5**							
COMP 103-K67.10_LT	502TK1	Tiếng Anh (B)	Thứ 3(T9-10)		30	Tin học đại cương				**9,10**								
'COMP 103-K67.11_LT	503TK1	CNTT(D)	Thứ 6(9-10)		30	Tin học đại cương										**9,10**		
'COMP 103-K67.12_LT	502TK1	Tiếng Anh (C)	Thứ 3(4-5)		30	Tin học đại cương			**4,5**									

Chú thích **:**

Lớp E : Hệ cử nhân thuộc các khoa sư phạm có hệ cử nhân

Lớp K : Hệ sư phạm kết hợp Tiếng Anh

Lớp A, B, C, D , … : Các lớp hệ sư phạm

T.Pháp; T.Nga; T.Trung học vào thứ 7

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO